

Bản án số: **431/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 24/4/2026

*V/v: Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – HÀ NỘI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Viết Tuấn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Cúc

Ông Đào Hoàng Anh

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lưu Đình Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5- Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5- Hà Nội tham gia phiên tòa:***  
Bà Trần Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5- Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 164/2026/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2026/QĐXX-ST ngày 09 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn: Chị Chu Thị P, sinh năm 1998**

Địa chỉ: Thôn R, xã B, tỉnh Bắc Ninh.

Căn cước công dân số: 024198006211; Ngày cấp: 17/12/2021; Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

**Bị đơn: Anh Nguyễn Chí T, sinh năm 1996**

Địa chỉ: Thôn P, xã P, thành phố Hà Nội.

Căn cước công dân số: 001096016179; Ngày cấp: 18/9/2024; Nơi cấp: Bộ C

*(Chị P, anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn xin ly hôn cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Chu Thị P là Nguyên đơn trình bày:***

*Về quan hệ hôn nhân:*

Chị và anh Nguyễn Chí T, sinh năm 1996 kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện G, thành phố Hà Nội ngày 28/9/2018. Sau

khi kết hôn chị và anh T chuyển về sinh sống cùng gia đình anh T tại thôn P, xã P. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T ham mê cờ bạc, dẫn đến nợ nần. Chị có khuyên anh T không chơi cờ bạc thì anh T còn có hành vi đánh đập chị. Sau khi mâu thuẫn xảy ra chị và anh T không tìm biện pháp để cải thiện mâu thuẫn nên tình trạng mâu thuẫn giữa chị và anh T ngày càng trở nên trầm trọng. Mâu thuẫn giữa chị và anh T hai bên gia đình đều biết nhưng do chúng anh chị đã trưởng thành nên để vợ chồng tự quyết định hạnh phúc hôn nhân của mình. Đến đầu tháng 7/2019 mâu thuẫn xảy ra trầm trọng, chị và anh T sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị chuyển về sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn R, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Từ khi ly thân chị và anh T không ai quan tâm đến ai và cũng không liên lạc, trao đổi gì với nhau về tình cảm vợ chồng. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Chí T.

*Về con chung:* Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Chu Thanh T1, sinh ngày 13/02/2019. Hiện nay cháu T1 đang sinh sống cùng với chị, trong trường hợp ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung

*Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung và công nợ chung vợ chồng:* Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

*Án phí:* Chị tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Ngoài ra chị P không yêu cầu gì khác. Tại phiên tòa chị P vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

***Bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Chí T trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án đã nhiều lần đ<sup>ể</sup>ợc Toà án triệu tập hợp lệ đến Toà án để công khai chứng cứ, hoà giải về việc chị Chu Thị P xin ly hôn nh<sup>ư</sup>ng anh T vắng mặt và có lời khai khi Tòa án giải quyết vụ án như sau:***

*Về quan hệ hôn nhân:*

Tại bản trình bày ý kiến ngày 13/3/2026 anh T trình bày: Anh và chị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện năm 2018 có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện G, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn anh và chị P chuyển về sinh sống cùng với gia đình anh tại thôn P, xã P. Trong cuộc sống anh và chị P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Hai vợ chồng cũng tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn nhưng không cải thiện. Đến tháng 07/2019 mâu thuẫn giữa anh và chị P xảy ra trầm trọng vợ chồng tôi sống ly thân từ đó cho đến nay. Từ khi ly thân vợ chồng anh không ai quan tâm đến ai và cũng không tìm biện pháp hàn gắn. Nay chị P nộp đơn để xin ly hôn với anh tại Tòa án, quan điểm của anh thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị P.

*Về con chung:* Anh và chị P có 01 con chung là Nguyễn Chu Thanh T1, sinh ngày 13/02/2019. Hiện nay cháu T1 đang sinh sống cùng chị P, trong trường hợp ly hôn anh đồng ý để chị P trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh và chị P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng:* Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh T không có ý kiến và yêu cầu gì khác. Tại phiên tòa anh T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

***Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án như sau:

- Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự:

+ Nguyên đơn chấp hành đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Bị đơn không chấp hành đầy đủ, không đưa ra tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền lợi cho mình.

\*Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Chu Thị P

- Về con chung: Đề nghị giao con chung là cháu Nguyễn Chu Thanh T1, sinh ngày 13/02/2019 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

- Về tài sản chung và công nợ:

Chị P, anh T không yêu cầu tòa giải quyết nên đề nghị không xét.

- Về án phí:

Vụ án thụ lý ngày 01/10/2025, nên áp dụng Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để giải quyết.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công khai và xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:**

Quan hệ pháp luật tranh chấp chị Chu Thị P yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Chí T nên quan hệ pháp luật giải quyết trong vụ án là: “ Tranh chấp ly hôn”.

Bị đơn anh Nguyễn Chí T, có nơi cư trú tại: Thôn P, xã P, thành phố Hà Nội. Do vậy căn cứ Điều 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025, Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Nguyên đơn và Bị đơn trong vụ án cùng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025.

**[2]. Về nội dung vụ án, giải quyết yêu cầu của đương sự:**

*Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Chu Thị P và anh Nguyễn Chí T kết hôn trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện G, thành phố Hà Nội ngày 28/9/2018, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 61/2018. Việc kết hôn giữa hai vợ chồng là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, do vậy việc kết hôn là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị P, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi chị P và anh T kết hôn thực tế cuộc sống chung vợ chồng hòa hợp được khoảng gần 1 năm, trong cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn ngay từ sau khi kết hôn, nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hợp nhau, anh T ham mê cờ bạc và không có sự quan tâm, tôn trọng chị P. Từ đó vợ chồng thường xuyên xảy cãi nhau và không có giải pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng, Đến tháng 07/2019, mâu thuẫn xảy ra trầm trọng, chị và anh T sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị chuyển về sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn R, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Từ khi ly thân chị và anh T không ai quan tâm đến ai và cũng không liên lạc, trao đổi gì với nhau về tình cảm vợ chồng. Xét thấy việc chị P xin ly hôn anh T và cho rằng tình cảm không còn, anh chị sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc. Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải nh- ng anh T vắng mặt trong buổi công khai chứng cứ, hoà giải khi T2 án triệu tập, điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng chị P, anh T là trầm trọng, vợ chồng đã ly thân một thời gian, tình cảm vợ chồng rạn nứt, anh T. Mặc dù đã đ- ợc Tòa án tạo điều kiện để tham gia các phiên hoà giải nh- ng anh T vắng mặt nh- vậy cho thấy anh T không mong muốn đoàn tụ gia đình. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy rằng cuộc sống chung giữa chị P, anh T không thể kéo dài do mâu thuẫn trầm trọng, nên yêu cầu xin ly hôn của chị Chu Thị P là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 19 và 56 Luật hôn nhân và gia đình nên đ- ợc chấp nhận.

*Về con chung:*

Chi Phượng, anh T xác nhận có 01 con chung là Nguyễn Chu Thanh T1, sinh ngày 13/02/2019. Hiện nay cháu T1 đang sinh sống cùng chị P, trong trường hợp ly hôn chị P có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục giao con chung là cháu Nguyễn Chu Thanh T1, sinh ngày 13/02/2019 cho chị P nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Chị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung vì vậy tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T cho đến khi cháu Nguyễn Chu Thanh T1, sinh ngày 13/02/2019 thành niên đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu thay đổi khác.

*Về tài sản chung:*

Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*Về công nợ:*

Quá trình giải quyết vụ án cho đến tr-ớc khi T2 án công khai chứng cứ và ra quyết định đ- a vụ án ra xét xử anh T bị đơn không có yêu cầu phản tố về công nợ và tài sản chung nên Tòa án không xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp các đ- ong sự có quyền khởi kiện đến Tòa án bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

**[3]. Về án phí và quyền kháng cáo:**

Chị Chu Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị P, anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

***Áp dụng:***

Điều 28; 35; 39; 147; khoản 1, 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Điều 19; 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa ngày 30/12/2016.

***Xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Chu Thị P. Chị Chu Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Chí T.

2. Về con chung:

Giao con chung là cháu Nguyễn Chu Thanh T1, sinh ngày 13/02/2019 cho chị Chu Thị P nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi

con chung đối với anh T cho đến khi cháu Nguyễn Chu Thanh T1, sinh ngày 13/02/2019 thành niên đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu thay đổi khác.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Tài sản chung vợ chồng: Chị P và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về công nợ: Quá trình giải quyết vụ án cho đến trước khi T2 án công khai chứng cứ và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử anh T bị đơn không có yêu cầu phản tố về công nợ và tài sản chung nên Tòa án không xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện đến Tòa án bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

5. Án phí: Chị Chu Thị P phải chịu toàn bộ 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị P đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số BLTU/25E 0008810 ngày 23/9/2025 tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 5 – Hà Nội nay chuyển thành án phí Ly hôn sơ thẩm.

Chị P, anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hà Nội;;
- VKSND Khu vực 5-Hà Nội;
- Phòng THADS Khu vực 5-Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Viết Tuấn**

